

Số: 168/2024/QĐST-HNGĐ

Thành phố Huế, ngày 21 tháng 3 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 115/2024/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 2 năm 2024 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Anh Lê Hữu H, sinh năm 1990. Địa chỉ: Số A đường T, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

- Chị Trần Thị Lam T, sinh năm 1992. Nơi đăng ký thường trú: Số A đường T, phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Địa chỉ hiện nay: Số B kiệt C ngõ A đường P, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hữu H và chị Trần Thị Lam T quen biết, tìm hiểu nhau được một thời gian đã tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế vào ngày 02/6/2020. Sau khi kết hôn, được một thời gian thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hoà hợp. Vợ chồng sống với nhau không hạnh phúc, chỉ vì một lý do nhỏ trong gia đình cũng cãi vã nhau, mâu thuẫn trở nên rất trầm trọng. Vợ chồng đã sống ly thân với nhau từ tháng 3 năm 2022 cho đến nay. Nay thấy tình cảm không còn nên yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn cho anh H và chị T.

[2] Về con chung: Anh Lê Hữu H và chị Trần Thị Lam T xác nhận có 01 người con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 16/3/2020. Vợ chồng thỏa thuận sau khi ly hôn, anh Lê Hữu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B đến tuổi trưởng thành. Chị Trần Thị Lam T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng mỗi tháng.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình

không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

[3] Về tài sản chung: Anh Lê Hữu H và chị Trần Thị Lam T xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nghĩa vụ về tài sản: Anh Lê Hữu H và chị Trần Thị Lam T xác nhận không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết..

[5] Về lệ phí Toà án: Anh Lê Hữu H và chị Trần Thị Lam T mỗi người chịu 150.000 đồng lệ phí, tổng cộng là 300.000 đồng.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Hữu H và chị Trần Thị Lam T thuận tình ly hôn.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Vợ chồng xác nhận có 01 con chung là cháu Lê Gia B, sinh ngày 16/3/2020.

Vợ chồng thỏa thuận: Sau khi ly hôn, anh Lê Hữu H trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu B đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi). Chị Trần Thị Lam T cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng mỗi tháng kể từ khi Quyết định có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu B đến tuổi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Sau khi Quyết định có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với khoản tiền cấp dưỡng nuôi con) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

- Về tài sản chung: Anh Lê Hữu H và chị Trần Thị Lam T xác nhận không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nghĩa vụ về tài sản: Anh Lê Hữu H và chị Trần Thị Lam T xác nhận không vay nợ ai nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí: Anh Lê Hữu H và chị Trần Thị Lam T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003187 ngày 28/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế. Anh Lê Hữu H và chị Trần Thị Lam T đã nộp đủ lệ phí dân sự sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND TP Huế;
- TAND Tỉnh Thừa Thiên Huế;
- Chi cục THADS TP Huế;
- Người yêu cầu;
- UBND phường An Đông, thành phố Huế (ĐKKH số 39, ngày 02/6/2020);
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Trần Thị Thu Hằng